

**TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST

Ngày 25/4/2024

“V/v Kiện xin ly hôn, con chung”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Viết Kiên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hồ Tùng Mận

2. Bà Nguyễn Thị Bình

**Thư ký phiên tòa:** Bà Hồ Thị Vi - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

- **Đại diện Viện kiểm sát Nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Việt Bắc - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 979/2023/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2023 về việc “Kiện xin ly hôn, con chung” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2024/QĐXX-ST ngày 18/3/2024 và quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST-HNGĐ ngày 08/4/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Thu V, sinh năm 1979 (có mặt)

Địa chỉ: Số nhà C đường D, Thôn B, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

- Bị đơn: Ông Trần Văn L, sinh năm 1980 (vắng mặt)

Địa chỉ: Số nhà C đường D, Thôn B, xã E, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

**Nguyên đơn bà Huỳnh Thị Thu V trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và ông Trần Văn L tự nguyện tìm hiểu yêu thương nhau và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại UBND xã E, Tp., tỉnh Đắk Lắk vào ngày 08/9/2000.

Trong quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu thì có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống,

vợ chồng có xảy ra cãi vã, ông L có đánh đập tôi. Trước đây tôi đã từng làm đơn xin ly hôn với ông L nhưng vì gia đình nên tôi đã rút đơn khởi kiện ly hôn để cho ông L có cơ hội thay đổi nhưng ông L không thay đổi. Nay cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Nay tôi vẫn giữ nguyên yêu cầu xin được ly hôn với ông Trần Văn L.

Về con chung: Chúng tôi có 04 con chung là cháu Trần Thị Ngọc Á, sinh ngày 22/7/2001, cháu Trần Ngọc T, sinh ngày 13/5/2007, cháu Trần Văn C, sinh ngày 08/12/2008 và cháu Trần Văn P, sinh ngày 24/8/2013. Hiện nay cháu Trần Thị Ngọc Á đã đủ tuổi trưởng thành và đã lập gia đình nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tôi có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng 03 con chung là cháu Trần Ngọc T, Trần Văn C và Trần Văn P cho đến tuổi trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đối với bị đơn ông Trần Văn L cố tình lẩn tránh, không hợp tác với Tòa án để giải quyết vụ án, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã tổng đạt và niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Trần Văn L theo đúng trình tự tố tụng dân sự, nhưng ông Trần Văn L đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện viện kiểm sát nhân dân TP Buôn Ma Thuột phát biểu như sau:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết, thu thập chứng cứ của vụ án từ khi thụ lý đến khi có quyết định đưa vụ án ra xét xử Thẩm phán đã giải quyết đúng trình tự của BLTTDS, tại phiên tòa HĐXX và nguyên đơn đã chấp hành tốt các quy định của pháp luật. Bị đơn vi phạm Điều 70, Điều 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân gia đình; Điều 27 nghị quyết của UBTVQH số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà Huỳnh Thị Thu V. Bà Huỳnh Thị Thu V được ly hôn với ông Trần Văn L.

Về con chung: Giao cháu Trần Ngọc T, sinh ngày 13/5/2007, cháu Trần Văn C, sinh ngày 08/12/2008 và cháu Trần Văn P, sinh ngày 24/8/2013 cho bà Huỳnh Thị Thu V được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Cháu Trần Thị Ngọc Á, sinh ngày 22/7/2001 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về án phí: Bà **Huỳnh Thị Thu V** phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về thẩm quyền và quan hệ tranh chấp: Đây là vụ án “Kiện xin ly hôn và con chung” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân TP Buôn Ma Thuột theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ngày 08/9/2000 bà **Huỳnh Thị Thu V** và ông **Trần Văn L** có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, thành phố B. Vì vậy đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Quá trình điều tra bà **Huỳnh Thị Thu V** xác định quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được thời gian thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng thường xuyên cãi nhau vì bất đồng quan điểm sống, vợ chồng đã cố gắng hàn gắn nhưng không thành. Nay cuộc sống gia đình không hạnh phúc, mâu thuẫn vợ chồng càng ngày càng trầm trọng, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân nên đã sống ly thân nhau. Do đó bà **Huỳnh Thị Thu V** đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông **Trần Văn L**.

Qua kết quả xác minh tại địa phương cho biết vợ chồng bà **Huỳnh Thị Thu V** và ông **Trần Văn L** có xảy ra mâu thuẫn, nay bà **Huỳnh Thị Thu V** xin được ly hôn với ông **Trần Văn L**, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy: Tình cảm vợ chồng bà **Huỳnh Thị Thu V** và ông **Trần Văn L** không còn nữa, không còn thương yêu chăm sóc lẫn nhau đã sống ly thân, nguyện vọng của bà **Huỳnh Thị Thu V** xin ly hôn ông **Trần Văn L** là phù hợp theo Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình do đó cần được chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Bà **Huỳnh Thị Thu V** và ông **Trần Văn L** có 4 con chung là cháu **Trần Thị Ngọc Á**, sinh ngày 22/7/2001, cháu **Trần Ngọc T**, sinh ngày 13/5/2007, cháu **Trần Văn C**, sinh ngày 08/12/2008 và cháu **Trần Văn P**, sinh ngày 24/8/2013. Cháu **Trần Thị Ngọc Á**, sinh ngày 22/7/2001 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết. Các cháu **Trần Ngọc T**, sinh ngày 13/5/2007, cháu **Trần Văn C**, sinh ngày 08/12/2008 và cháu **Trần Văn P**, sinh ngày 24/8/2013 đều có nguyện vọng ở với bà **V** do đó cần chấp nhận cho bà **V** nuôi dưỡng các con chung đến tuổi trưởng thành. Ông **Trần Văn L** được quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[2.4] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về án phí: Bà **Huỳnh Thị Thu V** phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

### **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ các Điều 28, Điều 35, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 nghị quyết của UBTWQH số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của bà **Huỳnh Thị Thu V**. Bà **Huỳnh Thị Thu V** được ly hôn với ông **Trần Văn L**.

Về con chung: Giao cháu **Trần Ngọc T**, sinh ngày 13/5/2007, cháu **Trần Văn C**, sinh ngày 08/12/2008 và cháu **Trần Văn P**, sinh ngày 24/8/2013 cho bà **Huỳnh Thị Thu V** được trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến tuổi trưởng thành.

Cháu **Trần Thị Ngọc Á**, sinh ngày 22/7/2001 đã đủ tuổi trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí: Bà **Huỳnh Thị Thu V** phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số AA/2023/0004395 ngày 20/11/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự TP. Buôn Ma Thuột

Nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày tuyên án. Bị đơn được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

#### **Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND Tp Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp Buôn Ma Thuột;
- UBND xã Ea Tu, Tp. Buôn Ma Thuột;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Lê Viết Kiên**

